

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Bộ tiêu chí đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 892/QĐ-BNV ngày 05/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt Đề án “Xác định Chỉ số cải cách hành chính của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương” giai đoạn 2024-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nội dung, phương pháp đánh giá, công bố, xếp hạng, khen thưởng, kinh phí thực hiện xác định Chỉ số cải cách hành chính.

1. Phạm vi điều chỉnh: Công tác theo dõi, đánh giá kết quả triển khai thực hiện cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh Ninh Bình.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý Khu Kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao và Khu Công nghệ cao, trừ Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (sau đây gọi chung là các sở, ban, ngành).

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường.

3. Nội dung đánh giá

a) Các sở, ban, ngành: Thực hiện đánh giá theo Phụ lục I - Bộ tiêu chí đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành.

b) Ủy ban nhân dân các xã, phường: Thực hiện đánh giá theo Phụ lục II - Bộ tiêu chí đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính của Ủy ban nhân dân các xã, phường.

4. Phương pháp đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính

a) Quy trình đánh giá

- Tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị

+ Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị mình trên phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính và đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường; gửi về Sở Nội vụ qua phần mềm. Điểm các cơ quan, đơn vị tự đánh giá được gọi là “Điểm tự đánh giá”.

+ Điểm tự đánh giá của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường được Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định để xem xét, công nhận hoặc điều chỉnh nếu cần thiết. Kết quả điểm sau khi thẩm định được gọi là “Điểm thẩm định”.

- Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

Việc điều tra xã hội học được tiến hành dựa trên việc lấy ý kiến đánh giá của các nhóm đối tượng theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. Một số tiêu chí đánh giá qua điều tra xã hội học được thể hiện tại cột “Ghi chú” và các dòng có chữ viết tắt “ĐTXHH” tại Phụ lục I, Phụ lục II đính kèm. Điểm này được gọi là “Điểm điều tra xã hội học”.

b) Tính toán, xác định chỉ số cải cách hành chính

Thang điểm được tính là 100, được xác định cụ thể đối với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần trong Bộ tiêu chí đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

Điểm của các cơ quan, đơn vị đạt được = Điểm thẩm định + Điểm điều tra xã hội học.

Riêng Thanh tra tỉnh thì tổng điểm đạt được sẽ quy về thang điểm 100 để xác định chỉ số cải cách hành chính.

5. Công bố, xếp hạng chỉ số cải cách hành chính hàng năm

a) Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc tỉnh.

b) Căn cứ vào điểm đạt được, các cơ quan, đơn vị, địa phương sẽ được xếp hạng chỉ số cải cách hành chính hàng năm theo thứ tự từ cao xuống thấp. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có điểm số bằng nhau thì xếp đồng hạng.

6. Khen thưởng

a) Khen thưởng của Ủy ban nhân dân tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính, góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh theo Quy chế thi đua, khen thưởng của tỉnh.

b) Khen thưởng của cơ quan, đơn vị: Hàng năm, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác cải cách hành chính theo quy định.

7. Kinh phí thực hiện

Kinh phí triển khai xác định Chỉ số cải cách hành chính được bố trí trong dự toán hàng năm của cơ quan, đơn vị, địa phương theo phân cấp ngân sách hiện hành và theo quy định tại Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước, Thông tư số 33/2022/TT-BTC ngày 09/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 26/2019/TT-BTC.

Điều 3. Phân công trách nhiệm

1. Sở Nội vụ

a) Hướng dẫn các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường thực hiện tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các cơ quan, đơn vị;

b) Quyết định thành lập Tổ thẩm định liên ngành tiến hành thẩm định, xác định, thống nhất kết quả tự đánh giá, chấm điểm, xác định chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường;

c) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh công bố chỉ số và kết quả xếp hạng chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong Quý I, II của năm sau liền kề;

d) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ kết quả tự đánh giá chấm điểm, xác định chỉ số cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình hàng năm theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ;

đ) Báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị khắc phục tồn tại hạn chế để nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh hàng năm;

e) Tổ chức điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức, xác định chỉ số cải cách hành chính hàng năm của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường.

2. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định dự toán kinh phí triển khai xác định chỉ số cải cách hành chính trong tổng dự toán kinh phí chi cho cải cách hành chính hàng năm;

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo quy định.

3. Các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường

a) Căn cứ hướng dẫn của Sở Nội vụ, tiến hành tự đánh giá, chấm điểm, xác định chỉ số cải cách hành chính hàng năm của cơ quan, đơn vị;

b) Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc điều tra xã hội học, thẩm định để xác định chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị;

c) Nghiên cứu, sử dụng có hiệu quả kết quả chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính hàng năm trong công tác quản lý, điều hành và theo dõi, đánh giá, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của các phòng, đơn vị trực thuộc; ban hành kế hoạch khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác cải cách hành chính;

d) Khen thưởng theo thẩm quyền cho tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện cải cách hành chính; xem xét, xử lý những tập thể, cá nhân chưa làm tốt công tác cải cách hành chính hàng năm theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Bãi bỏ các quyết định sau:

a) Quyết định số 223/QĐ-UBND ngày 20/3/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về ban hành Bộ tiêu chí và phương pháp đánh giá xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh Ninh Bình.

b) Quyết định số 1156/QĐ-UBND ngày 09/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về ban hành Bộ tiêu chí xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

c) Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 17/12/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định về ban hành Bộ chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Nam Định.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, VP7.
NH/VP7

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức